

LÊ VĂN ĐÌNH

GIAI THOẠI  
HÀN HỌC TỔNG



vh

*Giai thoại*

**VĂN HỌC TỔNG**

**LÊ VĂN ĐÌNH (Biên soạn)**  
**ĐỖ NGỌC THỐNG (Tuyển chọn)**

**GIAI THOẠI**  
**VĂN HỌC TỔNG**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC**  
**Hà Nội**

## LỜI TỰA VIẾT LẤY

Lịch sử Trung Quốc có một nước chư hầu và hai triều đại mang tên Tống. Vì vậy, điều trước tiên, phải xác định, chữ *Tống* ở tên sách: *Giai thoại văn học Tống*, chỉ nước nào, triều đại nào?

Chu Vũ Vương, Cơ Phát, diệt vua Trụ, nhà Thương, lập nhà Tây Chu, 1066 trước Công nguyên. Vũ Vương phong cho con Trụ là Vũ Canh ở vùng đất Tống, nay là huyện Thương Khâu, tỉnh Hà Nam. Ngay sau đó, đời Thành Vương, Vũ Canh làm phản, bị giết. Nhà Chu lấy lại đất, cho Vi Tử, và phong luôn tước Tống Công theo tên đất. Đây chính là nước chư hầu Tống của Tây Chu, Đông Chu. Đến thời kì Chiến quốc, cuối Chu, năm thứ 41, đời Chu Hiến Vương, năm thứ 327 trước Công nguyên, Yến giết anh là vua Tống, hiệu Định Thành, tự lập làm Tống Vương. Mười năm sau, Tống Vương bị liên quân Tế - Ngụy - Sở chém đầu, nhưng riêng Tế chiếm đất Tống. Rồi gần một trăm năm sau, nhà Tần thống nhất Trung Quốc<sup>(1)</sup>.

Tiếp đến nhà Hán, nhà Tấn. Vua Đông Tấn, Tư Mã Đúc Văn, nhường ngôi cho Lưu Tục, lập nên triều Tống thứ nhất. Vì triều Tống này chỉ ở phía nam, là một trong bốn nhà Tế Lương Trần, song song, kế tiếp nhau tồn tại của Nam triều, nên cũng có nơi gọi là Nam Tống. Bắc triều gồm Ngụy, Bắc Tế, Bắc Chu. Thời Nam Bắc triều này kéo dài khoảng hai trăm năm. Cộng với khoảng một trăm năm của thời Ngũ Hồ thập lục quốc trước đó, thành ba trăm năm rối ren nhất của lịch sử Trung Hoa.

Nhà Tống của Lưu Tục chỉ tồn tại 59 năm, 420 - 479 sau Công nguyên. Để phân biệt, người ta gọi triều này là Lưu Tống. Đất đai của Lưu Tống thuộc giữa hai sông Trường Giang và Việt Giang. Kinh đô đóng ở Kiến Khang, nay là Nam Kinh. Đến đời thứ 8 Thuận Đế, Lưu Chuẩn nhường ngôi cho Nam Tề. Nam Tề thay bằng Nam Lương, Hậu Lương. Cuối nữa là Trần, để rồi Tùy chuẩn bị cho sự ra đời của đế quốc Đường<sup>(2)</sup>.

Nhà Đường ba trăm năm tan rã, *Cổ kim vị kiến thiên niên quốc* (Xưa nay chưa thấy triều đại nào tồn tại tới nghìn năm - Nguyễn Du). Một thời cục rắc rối khác ra đời: Ngũ đại thập quốc (Năm triều đại và mười vùng cát cứ). Trái Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, đến Hậu Chu nhường ngôi cho Triệu Khuông Dẫn. Dẫn lập nên nhà Tống. Vị vua sáng lập Tống Thái Tổ họ Triệu, nên nhà Tống này được gọi là Triệu Tống. Kiến Long nguyên niên của ông ta là năm 960.

Đất đai nhà Triệu Tống gồm từ Vạn lý trường thành về nam. Ở bắc thì trừ Hà Bắc, Sơn Tây, ở nam thì trừ Vạn Nam, Quý Châu. Kinh đô đóng ở Khai Phong, của tỉnh Hà Nam ngày nay, lúc này còn mang tên Biện Châu. Biện Châu nằm ở phía bắc Trường Giang, nên thời kì này của nhà Triệu Tống được gọi tên Bắc Tống.

Vua cuối cùng của Bắc Tống là Khâm Tông, Triệu Hoàn, năm thứ hai niên hiệu Tĩnh Khang, 1126, quân Kim lần thứ hai kéo quân xuống Biện Kinh, bắt cha con Huy Tông, Khâm Tông cùng hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa, hoàng thân, phò mã, thợ khéo, phụ nữ, kĩ nữ về bắc. Đó chính là nạn *Tĩnh Khang* nổi tiếng đau thương, nhục nhã trong lịch sử Trung Hoa. Triệu Cấu, một người con khác của Huy Tông, xưng đế ở phương nam, tức Tống Cao Tông - vua đầu tiên của thời Nam Tống; lấy Hàng Châu làm kinh đô. Lâm Thăng than thở trong bài thơ *Đề Lâm An đế: Noãn*

*phong huân đặc du nhân túy, Trục bả Hàng Châu tác Biện Châu*  
(Gió ấm thổi về làm cho du khách say sưa, Nên cứ nhận ngay Hàng Châu làm Biện Châu). Cao Tông xưng bé tôi, xưng thần với nước Kim, bán rẻ vùng đất rộng lớn từ Hoài Hà trở về bắc, hàng năm phải vơ vét rất nhiều vàng bạc để cống nạp.

Cuối Nam Tống, ngay từ thời Hiếu Tông, Triệu Thận, sau trận Phù Li, 1163, nước Kim suy yếu, không còn sức để đánh chiếm Nam Tống. Tới năm 1279, Nguyên Thế Tổ, Hốt Tất Liệt, diệt nhà Nam Tống. Tống Bính Đế, Triệu Bính mất ngôi. Nhà Nguyên thâu tóm toàn bộ Trung Hoa.

Sách này chỉ đề cập về nhà Triệu Tống. Việc phân biệt giữa ba lĩnh vực Tống này thực ra cũng không mấy khó khăn. Chư hầu Tống thì vừa nhỏ vừa quá xa về thời gian, nhà Lưu Tống thì phạm vi cũng không lớn, thời gian tồn tại không dài, nên nhìn chung di sản văn hóa mà nó để lại cũng không nhiều, ít khi gặp. Mà có thì cũng ít khi nói trống, đều có định ngữ đi kèm, nên dễ phân biệt. Tuy vậy, đó chỉ là mặt dễ dàng...

Sau gần một trăm năm loạn lạc, nếu tính cả thời Văn Đường, *Điền viên lao lạc đông quy vấn, Đạo lộ tân cần bắc khứ trường* (Vườn ruộng điêu tàn, đi về hướng đông thì đã muộn, Đường sá vất vả, lên bắc cũng xa. La Nghiệp, *Bộc Dịch pha vân vọng* (Ngắm cảnh chiều trên đầm Bộc Dịch) thì cảnh chém giết diễn ra ngay từ những năm đầu thế kỉ XIII, nhà Bắc Tống quy giang sơn về một mối, tăng cường chế độ tập quyền, không để tiết độ sứ thao túng, sản xuất khôi phục, phát triển. Hai câu thơ của Tống Thái Tổ:

*Nhất luân khoảnh khắc thương thiên cù ,*

*Trục thoái quần tinh dữ tàn nguyệt*

(Một hình tròn, trong khoảnh khắc, tiến lên đường trời,

Duối hết những vì sao cùng ánh trăng tàn úa)

có thể coi là biểu tượng của cuộc sống mới hồ hởi xây dựng thời kì đầu Bắc Tống.

Trong lịch sử phát triển, văn hóa nhà Tống đạt được những thành tựu rực rỡ. Về tư tưởng, học thuật, người ta kể Hán, Tống, về hội họa, người ta bắt đầu đếm: Tống, Nguyên, về văn học người ta viết: Đường, Tống... Thế là ở lĩnh vực nào cũng có mặt Triệu Tống, chẳng nhất thì nhì...

Về văn học, trước tiên nói về văn xuôi. Thế loại này được nhà Tống đặc biệt chú ý. Năm thứ ba, niên hiệu Hi Ninh, Thần Tông, 1070, Lữ Công Trước, được cử làm tri cống cử, đã mật tâu với nhà vua rằng: *"Thiên tử thân ngự trước điện để hỏi bài vở, lấy người tài, mà lại dùng thơ phú, không phải là cách hay để cất nhắc hiền sĩ, để trị dân. Nay trong các cuộc thi đình, xin dùng thể chiếu sách, để hỏi đạo trị thiên hạ"*<sup>(3)</sup>. Vì thế, từng bước, văn xuôi đời Tống đã trở thành một công cụ biểu đạt tư tưởng rất tốt, rõ ràng lưu loát, giản dị. Văn xuôi các đời sau, Nguyên Minh, trên căn bản là kế thừa các nhà văn xuôi đời Tống chứ không phải đời Đường.

Người ta thường nói: *"Đường, Tống bát đại văn gia"* (Tám nhà văn lớn đời Đường, Tống). Trong đó, đời Tống đã có tới sáu: ba cha con anh em Tô Thức, Vương An Thạch, Âu Dương Tu, Tăng Củng. Và ngay cả hai nhà văn đời Đường: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, được người đời Tống đưa vào đây cũng chẳng qua được dùng như một chiêu bài để cổ động cho một thể văn xuôi theo ý họ. Nhưng đó lại là một ý định tốt, phù hợp với sự phát triển ngày càng tự nhiên, quán chúng hóa, bỏ bớt những hàm xúc, biến ngẫu quá đáng của văn xuôi trước đó. Vì vậy, có sách đã nhận xét đầy hình ảnh: *"Văn xuôi đời Tống so với văn xuôi đời Đường, cũng giống như đồng bằng rộng thoáng so với núi thẳm hang sâu"*<sup>(4)</sup>.

Thơ và từ thời Tống buổi đầu vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng tiêu cực của *Thế Tây Côn* và *Phái Trong hoa*. Nhưng sau đó, nó tìm cho mình con đường đúng đắn để phát triển theo hướng lành mạnh về tư tưởng, phong phú về nội dung. Các nhà thơ, dù là có uy tín như Hoàng Đình Kiên, lúc này cũng không dám công nhiên đi theo con đường cũ của Lí Thương Ẩn và *Tây Côn* nữa.

Từ lúc Tô Thuấn Khâm và Mai Nghiêu Thuấn đề xướng việc cải cách thơ, thì nhà Tống liên tiếp xuất hiện những nhà thơ ưu tú. Nổi bật nhất là Tô Thức và Lục Du. Thơ của họ giàu màu sắc lãng mạn, hào phóng. Khác với các nhà thơ Tống khác học theo phong cách của Bạch Cư Dị, Hàn Dũ, các nhà thơ Bắc Tống chủ yếu chịu ảnh hưởng của Lí Bạch và nhất là Đỗ Phủ. Và cuối Tống thì nổi lên ảnh hưởng của Giả Đảo, Diêu Hợp.

Việc lấy những nhà thơ này làm gương là nguyên cớ chính khiến cho thơ Tống ngày càng mang tính chất thuyết lí, lấy văn làm thơ, biến thơ thành văn xuôi..., *lấy việc dùng nhiều điển cố làm thông thái... Dựa vào tài học để làm thơ*. Cho nên so với văn học Đường thì văn học Tống có sự trái ngược rõ rệt. Văn xuôi Tống ngày càng bình dị, dễ hiểu, còn thơ ca thì ngày càng đẽo gọt, khó hiểu. Hoàng Đình Kiên và *Thi phái Giang Tây* ít nhiều chịu trách nhiệm trong chuyển biến này của thơ Tống.

Về từ khúc, thời Tống chính là đỉnh cao nhất trong lịch sử của thể loại này. Thơ, người đời xếp Thịnh Đường, Long Tống. Nhưng từ khúc thì Đường thua xa Tống. Trên mặt bằng của cả lịch sử hai nghìn năm văn học Trung Quốc, nhìn bằng con mắt khái quát theo triều đại và loại thể văn học, người Trung Hoa cũng như các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc ngoài nước, ghi nhận bốn thành tựu có tính thế giới: thơ Đường, kinh kịch Nguyên, tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh và từ Tống.



Dấu Tống, từ còn chịu ảnh hưởng *Phái Hoa gian* của thời Ngũ đại. Mãi đến Liễu Kì Thanh mới dứt khỏi. Tô Thức đã góp công sức đáng kể cho sự thay đổi này, cả về nội dung và hình thức, mở đường cho phong cách lành mạnh đến mức độ bi tráng của anh hùng ca ở từ khúc của Nhạc Phi, Tân Khí Tật.

Văn học phong kiến thường chia thứ bậc rất rõ trong thể loại. Sự phân chia này, quay lại, chỉ cần với một quãng thời gian tương đối ngắn đã thấy phi lí của nó. Tân văn, rất gần với những bài tiểu luận chính trị, phê bình văn học thì được coi là độc tôn trong văn xuôi. Trong khi đó, tiểu thuyết, gần như là đối tượng chính của định nghĩa về văn học hiện nay thì lại bị coi là hạ cấp. Tất nhiên, lí do có nhiều. Từ khúc cũng chịu sự hắt hủi đó. Nó được coi như phần thừa của thơ: *Thi dư*, được coi là một thể thấp kém, chỉ hợp với những đề tài tầm thường: "*Nơi quán vắng, cửa buồng trọ một mình đóng kín giữa trời xuân lạnh, Lại thêm tiếng cuộc kêu trong buổi chiều tà*"<sup>(5)</sup>. Nhưng chính cái thấp hèn đó đã mang lại vinh quang lâu dài cho từ đến bây giờ vậy. Nói đến những đỉnh cao của Tống, từ người ta kể, Bắc Tống với Liễu Vĩnh, Tô Đông Pha, Tần Quán, Hạ Chủ, Chu Bang Ngạn...; Nam Tống với Lí Thanh Chiếu, Ngô Văn Anh, Khương Quỳ, Tân Khí Tật...

Trong sự phát triển như vậy về văn học, cũng như về văn hóa nói chung, tưởng như người đời Tống có thể ngẩng cao đầu, "*Tiền kiến cổ nhân, hậu kiến lai giả*". Nhưng văn học Triệu Tống hình như lúc nào cũng vương vất đầu dây một thàng thốt không yên về một mặc cảm không tròn đối với đất nước, về trách nhiệm của mình: "*Bất nhẫn dâng cao làm viễn, Vọng cố hương diêu mạo, Quy tử nan thu*" (Không nỡ lên cao nhìn xa, Trông vơi quê cũ mịt mờ, Nối nhớ khôn ngăn)<sup>(6)</sup>. *Nối buồn nhược tiểu* đó gần như siuh đôi với nhà Triệu Tống. Nó cứ lớn dần lớn dần, cho đến khi từ vua cho chí dân Tống trở thành dân nô lệ. Đất nước thì ngày càng

thu hẹp cho đến khi một nửa rơi vào quân Kim, rồi tất cả rơi vào tay người Nguyên Mông. Vì vậy giọng điệu *vong quốc chi âm* trầm thống thiết tha như một âm hưởng đặc biệt của văn học Tống mà các thời khác ít gặp.

Trên đây là những nét sơ lược nhất về văn học Tống, là cơ sở, là cây chủ cho thể loại tâm gửi, giai thoại văn học, thi thoại sinh sôi nảy nở. Đến một lúc nào đó, giai thoại đủ sức thành một thể độc lập. Và do đặc điểm của nó, nhiều khi được người đọc tìm đến còn hơn cả tìm đến cội nguồn đã sinh ra nó nữa kia. Mấy năm gần đây, hiện tượng này khá rõ. Còn ở văn học cổ điển Trung Hoa, thì sự phát triển này của thi thoại, giai thoại văn học được báo hiệu ở Văn Đường. Để rồi đến Tống có thể xem là thời rực rỡ nhất của thi thoại trong lịch sử văn học Trung Hoa.

Quyển thi thoại mở đầu có tiếng là *Lục Nhất thi thoại* của Âu Dương Tu. Đầu quyển ghi rõ: "*Cu si lúc về sống ở Nhữ Âm, tập hợp lại để có chuyện mà nhàn đàm*". Tiếp đó, Tư Mã Quang viết *Tục thi thoại*. Rồi một người bạn khác của Âu Dương, Lưu Phân, viết *Trung Sơn thi thoại*, đều mục đích thuật chuyện, ghi việc, rất ít nghị luận dài dòng. Hứa Khải nói rõ trong *Ngạn Chu thi thoại*: "*Thi thoại là để phân biệt cú pháp, hiểu rõ cổ kim, ghi thịnh đức, chép chuyện lạ, đính chính những điều sai lầm*".

Nếu tính những tập thi thoại có tên tuổi, thì đời Tống không dưới vài chục tác phẩm. Đến nổi nhà Nguyên có người chê: "*Thi thoại thì thịnh mà thơ thì không bằng xưa*"<sup>(7)</sup>. Trong *Quách thị thi thoại tự*, Triệu Văn, người đời Minh cũng phân nân: "*Người đời Đường không nói về thi pháp. Thi pháp phần lớn xuất hiện ở đời Tống*".

Đến Nam Tống, thi thoại càng nhiều hơn. Có thể kể: *Tuế hàn đường thi thoại* của Trương Giới. Ông đã thấy được bệnh của thơ